

Trường THCS Hưng Đạo
Năm học 2024- 2025
Học kì 2

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ 14/4/2025

STT	Họ và tên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn		Số tiết
1	Trần Thị Thắm	HT			GDĐP(6BD) ₂	2
2	Trần Đức Quyền	PHT		LS(7AC) ₄	GDĐP 9A ₁	5
3	Nguyễn Thị Hà		7B ₄	Văn (7A,7B,7C) ₁₂ + Văn(9C) ₄	TNHN(7B) ₂	20+2
4	Vũ Thị Nhung	TT ₃		Văn (9AB) ₈ + Văn(8A) ₄ + Văn (6D) ₄	GDĐP (9BC) ₂	21
5	Hà Thị Thanh Hoa	PCTCĐ ₃	8C ₄	Toán (8C,6C) ₈	TNHN(8C) ₃ + GDĐP(8A8C) ₂	20
6	Nguyễn Văn Hoa		6A ₄	Toán (6A8AB) ₁₂	TNHN(6A) ₃ +GDĐP(6A) ₁ + TNHN(7B) ₁	20+1
7	Nguyễn Minh Thu		9C ₄	Toán (9C) ₄ +Toán(6B) ₄	TNHN(9C7A) ₆ +GDĐP(7AB) ₂	20
8	Đặng Thị Ngọc Xuyên	TPT _{9,5}		Nhạc (6ABCD,7ABC,8ABC) ₁₀ + Nhạc (9ABC) ₃		22.5
9	Nguyễn Thái Học			KHTN(7A) ₄ +KHTNh(8ABC) ₆ + KHTNh (9ABC) ₃ + KHTNs(7BC) ₈		21
10	Lê Thu Trang		6D ₄	KHTN(6AD) ₈ + KHTNs(8ABC) ₃ + KHTNs(9C) ₁ + KHTNs(9AB) ₂	TNHN(6D) ₃	19+2
11	Nguyễn Thị Mai Hương		6B ₄	LS(9ABC) ₆ +LS(6ABCD) ₄ +LS(8ABC) ₃ +LS(7B) ₂		19
12	Nguyễn Thị Lương	TTND ₂	8A ₄	GDĐP (7ABC, 8ABC,6ABCD) ₁₀ + GDĐP (9ABC) ₃	TNHN(8A) ₃	22
13	Hoàng Bích Diệp	TP ₁	7A ₄	Anh(9AB) ₆ +Anh(8C) ₃ +Anh(7ABC) ₉		23
14	Vương Thị Thu			Anh(8AB) ₆ +Anh(6ABCD) ₁₂ + Anh(9C) ₃		21
15	Phạm Văn Bình			GDTC(7ABC,8ABC) ₁₂ +GDTC(6A) ₂ + GDTC(9ABC) ₆		20
16	Lê Văn Phúc			MT(6ABCD,7ABC,8ABC) ₁₀ + GDTC(6BCD) ₆ + MT(9ABC) ₆	GDĐP(8B) ₁	23
17	Nguyễn Thị Thu Hiền L		6C ₄	KHTN(6BC) ₈ +KHTNL(8ABC) ₃ +KHTNL(9ABC) ₆	TNHN(6C) ₃	24
18	Nguyễn Thị Duyên	TP ₁	9B ₄	Toán(9AB) ₈ + Toán(6D) ₄	TNHN(9A) ₃	20
19	Đặng Thị Thu	TT ₃	9A ₄	KHTNs(9AB) ₂ +TNHN(6B) ₃ +TNHN(9B) ₃ + TNHN(7B) ₃		19
20	Trần Thị Thu Hằng		7C ₄	Toán (7ABC) ₁₂	TNHN(7C) ₃ + GDĐP(7C) ₁	20
21	Nguyễn Thị Thu Hiền T	TKHĐ ₂		Tin(6ABCD7ABC8ABC9ABC) ₁₃	TNHN(8B) ₃ + GDĐP(6C) ₁ +TNHN(9B) ₃	19+3
22	Lê Thị Cẩm Vân			Địa(9ABC) ₃ + Địa(6ABCD) ₈ + Địa(7ABC) ₃ +Địa(8ABC) ₆		20
23	Ngô Thị Ngọc Thùy		8B ₄	CN(8ABC) ₆ +CN(7ABC) ₃ + CN(6ABCD) ₄ +CN(9ABC) ₃	TNHN(6B) ₃	20+3
24	Hoàng Thị Hồng			Văn (6ABC) ₁₂ + Văn (8BC) ₈		20

Phó Hiệu trưởng
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
HƯNG ĐẠO
TRẦN ĐỨC QUYỀN